

Lâm Hà, ngày 25 tháng 12 năm 2020

Số: 236/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 311/2020/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, giữa:

+ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C.** Sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn A, xã Tân **Thanh**, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T.** Sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn A, xã Tân **Thanh**, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng B.**

Trụ sở: Tòa nhà CCX, khu bán đảo LD, phường HL, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T1 – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng B.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Chưởng Khánh Quỳnh L. Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng B huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào các điều 55, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020.

Căn cứ văn bản trình bày ý kiến ngày 17/12/2020 của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành; hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày Tòa án nhận được Văn bản trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C với anh Hoàng Văn T.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Các đương sự thống nhất giao con chung là cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 01/5/2003 và cháu Hoàng Tâm N, sinh ngày 29/10/2013 cho chị Nguyễn Thị C có trách nhiệm trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Hoàng Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng B, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi suất tính đến ngày 14/12/2020 là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng là 50.250.000đ (Năm mươi triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng). Đồng thời chị C tiếp tục chịu lãi suất phát sinh kể từ ngày 15/12/2020 theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị C nhận chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung và 1.256.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007709 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị C còn phải nộp thêm số tiền là 1.256.000đ án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hữu Dũng**

